

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 1: Nguyên tử	1/ Thành phần của nguyên tử 2/ Nguyên tố hóa học 3/ Cấu trúc lớp vỏ electron của nguyên tử	Nhận biết: - Các hạt cơ bản trong nguyên tử, điện tích, kí hiệu. - Khái niệm nguyên tố hoá học; số hiệu nguyên tử, kí hiệu nguyên tử; số đơn vị điện tích hạt nhân; số khối; khái niệm đồng vị. - Số electron tối đa trong một lớp, một phân lớp; đặc điểm lớp electron ngoài cùng. Thông hiểu: - Xác định số e, p, n, A, điện tích hạt nhân trong nguyên tử.	3	1	0	0
2	Chương 2: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	4/ Cấu tạo bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Cấu tạo của bảng tuần hoàn: ô, chu kì, nhóm nguyên tố. Thông hiểu: - Mô tả được cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học và nêu được các khái niệm liên quan (ô, chu kì, nhóm). - Phân loại được nguyên tố (dựa theo cấu hình electron: nguyên tố s, p, d, f; dựa theo tính chất hoá học: kim loại, phi kim, khí hiếm).	2	1	0	0
		5/ Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm 6/ Định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	Nhận biết: - Nêu được khái niệm bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại, tính phi kim. - Nêu được xu hướng biến đổi bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại, tính phi kim, tính acid, tính base trong một chu kì, trong một nhóm A. - Nêu được xu hướng biến đổi thành phần (công thức, hóa trị) của oxide cao nhất, hydroxide tương ứng và tính chất của chúng theo chu kì. Thông hiểu: - Giải thích được xu hướng biến đổi bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại, tính phi kim, trong một chu kì, trong một nhóm A; tính acid, tính base theo chu kì. - Trình bày được ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học: Mối liên hệ giữa vị trí với tính	3	4	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			chất và ngược lại. - So sánh bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại, tính phi kim của các nguyên tố trong một chu kì hoặc trong một nhóm A. - Xác định nguyên tố dựa vào phần trăm khối lượng trong oxide cao nhất; dựa vào thể tích H_2 , HCl trong phản ứng với HCl , H_2O . Vận dụng: - Viết phương trình minh họa cho tính chất của oxide cao nhất, hydroxide tương ứng. - So sánh bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại, tính phi kim trong một chu kì, trong một nhóm A; tính acid, tính base theo chu kì. Vận dụng cao: - Xác định công thức các hợp chất (oxide cao nhất, hợp chất với hydrogen, hydroxide tương ứng, ...) khi biết phần trăm khối lượng, đặc điểm cấu hình electron, các phản ứng hoá học. - Xác định hai nguyên tố thuộc hai chu kì kế tiếp của cùng một nhóm A hoặc hai nguyên tố thuộc hai nhóm A liên tiếp của cùng một chu kì qua các phản ứng hoá học, qua số hiệu nguyên tử.				
3	Chương 3: Liên kết hoá học	7/ Quy tắc octet	Nhận biết: - Trình bày được quy tắc octet trong quá trình hình thành liên kết hoá học cho các nguyên tố nhóm A. Biết được xu hướng của nguyên tử kim loại, nguyên tử phi kim khi hình thành liên kết hoá học. Thông hiểu: - Hiểu được xu hướng hình thành liên kết hoá học của các nguyên tử nhóm A theo quy tắc octet. - Hiểu được sự tạo thành ion dương, ion âm.	2	1	0	0
		8/ Liên kết ion 9/ Liên kết cộng hoá trị	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm liên kết ion, liên kết cộng hoá trị, liên kết cho nhận, năng lượng liên kết (cộng hoá trị). Biết được hợp chất nào là hợp chất ion, hợp chất cộng hoá trị. - Nêu được cấu tạo tinh thể $NaCl$ (hình khối gì, vị trí phân bố Na^+ , Cl^-), tính chất vật lí của tinh thể ion. Thông hiểu:	6	5	1*	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Trình bày được sự hình thành liên kết ion (nêu một số ví dụ điển hình tuân theo quy tắc octet); lấy được ví dụ về liên kết cộng hoá trị (liên kết đơn, đôi, ba) khi áp dụng quy tắc octet. Số electron nhường, nhận hoặc góp chung. - Viết được công thức Lewis, công thức cấu tạo của một số đơn chất, hợp chất đơn giản. - Phân biệt được các loại liên kết (liên kết cộng hoá trị không phân cực, phân cực, liên kết ion) dựa theo độ âm điện. - Sự hình thành liên kết σ và liên kết π qua sự xen phủ AO (kiểu xen phủ, vị trí xen phủ). Xác định số liên kết σ, liên kết π trong các phân tử C_2H_2, C_2H_4, C_2H_6. - Dựa vào năng lượng liên kết so sánh độ bền liên kết. Vận dụng: - Cấu hình electron, các loại hạt cơ bản trong nguyên tử và ion.				
Tổng				16	12	8	4

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở ở đơn vị kiến thức: **Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm; định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học hoặc liên kết ion, liên kết cộng hoá trị.**

- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở ở đơn vị kiến thức: **Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm; định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 2022-2023
MÔN: HOÁ HỌC 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Thời gian	
			Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số ý	Thời gian	Số ý	Thời gian	TN	TL		
1	Nguyên tử	Thành phần của nguyên tử	1	0.5	0	0	0	0	0	0	1	0	2.5	10.0%
2		Nguyên tố hoá học	1	0.5	1	1					2			
3		Cấu trúc vỏ nguyên tử	1	0.5	0	0					1			
4	Bảng tuần hoàn	Cấu tạo bảng tuần hoàn	2	1	1	1	4	7	4	11	3	2	25.5	45.0%
5		Xu hướng biến đổi tính chất	3	1.5	2	2					5			
6		Ý nghĩa bảng tuần hoàn	0	0	2	2					2			
7	Liên kết hoá học	Quy tắc octet	2	1	1	1	4	7	0	0	3	1	17	45.0%
8		Liên kết ion	3	1.5	2	2					5			
9		Liên kết cộng hoá trị	3	1.5	3	3					6			
Tổng			16	8	12	12	8	14	4	11	28	3	45	100.0%
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%					
Tỉ lệ chung			70%				30%							